

Bản án số: 355/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2024

V/v: ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Bang*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hương*

*Bà Trần Thị Mai*

*- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thiên Dung - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.*

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lã Thị Hải Y**, sinh năm 1982; Số căn cước công dân: 035182001119; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Số D đường P, phường T (nay là phường V), thành phố N, tỉnh Nam Định**. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Vũ Quang T**, sinh năm 1977; Số căn cước công dân: 036077010139; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Số D đường P, phường T (nay là phường V), thành phố N, tỉnh Nam Định**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2024, bản tự khai ngày 21/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị **Lã Thị Hải Y** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Vũ Quang T** kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện và đăng ký kết hôn tại **UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** ngày 28/6/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hoà hợp về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay anh chị đang sống ly thân, chị **Y** đã chuyển đi nơi khác sống. Nay

chị **Y** xác định cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh **Vũ Quang T**.

Về con chung: chị **Y** và anh **T** có 02 (hai) con chung là cháu **Vũ Trung K**, sinh năm 2004 và cháu **Vũ Đức N**, sinh năm 2005. Hiện con chung của anh chị đều đã trên 18 tuổi, nên chị **Y** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 23/8/2024, bị đơn là anh **Vũ Quang T** trình bày thống nhất với các thông tin mà chị **Y** đã cung cấp và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Y**.

3. Tại các Đơn xin xác nhận đề ngày 20/8/2024, địa phương nơi chị **Y** và anh **T** cư trú xác nhận: chị **Y** và anh **T** có đăng ký thường trú tại **số D đường P, phường T (nay là phường V) thành phố N, tỉnh Nam Định**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Lã Thị Hải Y** có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh **Vũ Quang T**. Xét thấy, tranh chấp giữa chị **Y** và anh **T** là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh **Vũ Quang T** có địa chỉ cư trú tại **phường T (nay là phường V), thành phố N, tỉnh Nam Định**, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

[1.2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Chị **Y** và anh **T** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lã Thị Hải Y** và anh **Vũ Quang T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại **UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** ngày 28/6/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên không hoà hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các



văn bản tố tụng của Toà án, đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng anh **T** đều vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chị **Y** có ý kiến giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh **Vũ Quang T**.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị **Lã Thị Hải Y** và anh **Vũ Quang T** hiện đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị **Lã Thị Hải Y** và anh **Vũ Quang T**.

[2.2] Về nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung: Chị **Y** không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị **Lã Thị Hải Y** phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Lã Thị Hải Y** và anh **Vũ Quang T**.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lã Thị Hải Y** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) chị **M** đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002268 ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Chị **Lã Thị Hải Y** và anh **Vũ Quang T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị **Lã Thị Hải Y** và anh **Vũ Quang T** có quyền thỏa thuận*

*thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã Ea Sol, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (ĐK ngày 28/6/2004);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Bang**